



hé rén

何人

interrogative pronoun · who; which person

Example Sentences

cǐ rén shì hé rén

此人是何人？

Who is this person?

bù zhī shì hé rén liú xià le zhè fēng xìn

不知是何人留下了这封信。

I don't know who left this letter.

hé rén néng lǐ jiě tā xīn zhōng de kǔ chǔ

何人能理解他心中的苦楚？

Who can understand the pain in his heart?

Trace each character, then write the word on your own.

何何何何何何何何何何

人人人人人